

Bản án số: 1005/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 30/8/2017

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Xuân Lan

2. Ông Trần Tuấn Việt

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8 tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngon - Kiểm sát viên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 30 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 632/2016/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2016, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2017/QĐXXST-DS ngày 19/7/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 54/2017/QĐST-HNGĐ ngày 09/8/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc Tr, sinh năm: 1983 (*vắng mặt*)

Trú tại: 743/11/20 đường H, Phường S, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Trương Văn H, sinh năm: 1979 (*vắng mặt*)

HKTT: 59/26/46 đường C, Phường S, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Tạm trú: 435/25/35 đường P, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Tr trình bày:

Bà và ông Trương Văn H chung sống và kết hôn từ năm 2010 có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 60, quyền số 1/2010 ngày 05/5/2010, đăng ký tại Ủy ban nhân dân Phường S, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình chung sống lúc đầu có hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu từ việc ông H không có trách nhiệm với gia đình, không có nghề nghiệp ổn định, không chăm lo được cuộc sống cho vợ con. Vì thế

vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2003 đến nay. Nay cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên bà Tr yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Có một con chung tên Trương Nguyễn Tường V, sinh ngày 19/02/2011.

Nếu ly hôn bà Tr cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có

*Bị đơn ông Trương Văn H, tại bản tự khai ngày 11/01/2017, ông H trình bày:

Ông thừa nhận kết hôn với bà Tr và đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Tr. Về con chung, ông đồng ý giao con chung tên Trương Nguyễn Tường V, sinh ngày 19/02/2011 cho bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng, xin tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có.

Các lần hòa giải bị đơn vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 có ông Nguyễn Văn Ngon phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên bị đơn không chấp hành quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung, bà Nguyễn Thị Ngọc Tr có yêu cầu ly hôn với ông Trương Văn H, về con chung yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trương Nguyễn Tường V, sinh ngày 19/02/2011. Bà Tr không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, cả hai xác định không có. Xét yêu cầu của bà Tr, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận vì ông H có đến Tòa, tại bản tự khai đã đồng ý ly hôn, tuy nhiên các lần hòa giải ông H không đến. Điều đó chứng tỏ ông H không còn quan tâm đến tình cảm vợ chồng, không còn tha thiết đoàn tụ gia đình. Xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn của bà Nguyễn Thị Ngọc Tr.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Hội đồng xét xử nhận định :

1. Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Tr có đơn yêu cầu ly hôn với ông Trương Văn H. Bà Tr với ông H chung sống và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Do bị đơn ông H hiện cư trú tại 435/25/35 đường P, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 28, Điều 36, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Ngày 09/8/2017 bà Tr có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt do bà bận công việc xa không thể sắp xếp tham gia phiên tòa. Đối với ông H, tại biên bản xác minh thể hiện ông H cư trú tại 435/25/35 đường P, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản của Tòa nhưng ông H vẫn không đến, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2017/QĐXXST-DS ngày 19/7/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2017/QĐST-HNGĐ ngày 09/8/2017 nhưng tại phiên Tòa hôm nay ông H vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Tr theo yêu cầu của bà và xét xử vắng mặt ông H không có lý do.

2. Về nội dung:

- Về quan hệ vợ chồng:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Tr và ông Trương Văn H sống chung và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 60, Quyền số I/2000 ngày 05/05/2010, đăng ký tại Ủy ban nhân dân Phường S, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo bà Tr, cuộc sống giữa vợ chồng không có hạnh phúc. Nguyên nhân là do ông H không quan tâm gia đình, không có nghề nghiệp ổn định, không quan tâm chăm sóc vợ con nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2013. Đến nay bà cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn.

Về phía ông H, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản, triệu tập nhiều lần để giải quyết nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do. Ông H đến Tòa một lần trình bày vào bản tự khai, chấp nhận ly hôn với bà Tr và đồng ý giao con chung tên Trương Nguyễn Tường V, sinh ngày 19/02/2011 cho bà Trăm trực tiếp nuôi dưỡng, ông chưa cấp dưỡng do bà Tr chưa yêu cầu. Điều đó cho thấy ông H không còn tình cảm và không mong muốn đoàn tụ để hàn gắn, xây dựng hạnh phúc gia đình. Xét thấy, mâu thuẫn giữa các bên đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Tr.

- Về con chung:

Cả hai thừa nhận có 01 con chung tên Trương Nguyễn Tường V, sinh ngày 19/02/2011. Xét thấy, con chung hiện đang sống với mẹ, bà Tr yêu cầu được nuôi con, tại bản tự khai ông H cũng đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cho bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông H đến khi nào bà Tr có yêu cầu.

Ông H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của trẻ theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức được quy định tại Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Tr xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Căn cứ Pháp lệnh về lệ phí, án phí Tòa án có hiệu lực ngày 01/7/2009 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, bà Tr phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 36, Điều 39, Điều 227, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Pháp lệnh về lệ phí, án phí Tòa án có hiệu lực ngày 01/7/2009;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Tr.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc Tr ly hôn với ông Trương Văn H.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trương Nguyễn Tường V, sinh ngày 19/02/2011. Giao con chung cho bà Nguyễn Thị Ngọc Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông H đến khi nào bà Tr có yêu cầu.

Ông H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của trẻ theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức được quy định tại Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Tr, ông H khai không có.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng, bà Tr phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0001762 ngày 19/01/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Tr đã nộp đủ án phí.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

(Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật thì Giấy chứng nhận kết hôn số 60 quyền số I/2010 ngày 05/05/2010, đăng ký tại Ủy ban nhân dân Phường S, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- UBND phường S,
Quận S, TP Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Kim

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM,
- VKSND TP.HCM.
- VKSND Q.8
- CC.THA Q.8
- Các đương sự
- Lưu VP-HS

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- chủ tọa phiên toà

Phạm Thị Kim